

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Hộ sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTTĐHYD ngày 14/3/2025 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1552/QĐ-ĐHYD ngày 12/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Biên bản Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ngày 28 tháng 8 năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Hộ sinh.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc Chương trình đào tạo, áp dụng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2025 - 2026.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các khoa, BM trực thuộc Trường;
- Các phòng chức năng;
- Đăng Website Trường;
- Lưu VT, ĐT-KH&CN, MC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỘ SINH
NGÀNH HỘ SINH

THÁI NGUYÊN, NĂM 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HỘ SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1684/QĐ-ĐHYD ngày 05/9/2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học
 - Tên tiếng Anh: Midwifery
4. Thông tin về kiểm định: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam và theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 14/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.
5. Trình độ đào tạo: Đại học.
6. Ngành đào tạo: Hộ sinh.
7. Mã ngành đào tạo: 7720302.
8. Thời gian đào tạo: 4 năm.
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.
10. Hình thức đào tạo: Chính quy.
11. Loại chương trình đào tạo: Định hướng ứng dụng.
12. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân hộ sinh.
 - Tên tiếng Anh: Midwifery.

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Hộ sinh, thuộc lĩnh vực sức khỏe; có khả năng vận dụng chính sách pháp luật y tế; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp, trung thực, thận trọng, chính xác, hợp tác với đồng nghiệp; có

khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ Bà mẹ - trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức về văn hóa – xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành hộ sinh, đồng thời biết vận dụng bằng chứng khoa học và kết quả nghiên cứu để phân tích, đánh giá, cập nhật và phát triển thực hành hộ sinh dựa trên bằng chứng.	✓	✓	✓
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng tham gia tổ chức và thực hiện hiệu quả việc sơ cứu, cấp cứu, dự phòng, phát hiện sớm và xử trí kịp thời một số bệnh lý sản phụ khoa.	✓		✓
PEO 3	Có khả năng quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án theo đúng quy định, sử dụng trang thiết bị y tế trong lĩnh vực hộ sinh an toàn và hiệu quả	✓		✓
PEO 4	Có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau sinh một cách toàn diện, có chất lượng cao, có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm liên ngành tư vấn giáo dục sức khỏe sinh sản phù hợp với yếu tố văn hóa và điều kiện kinh tế xã hội nhằm đảm bảo tốt nhất sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh.	✓		✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Có khả năng làm việc độc lập, chủ động ra quyết định chuyên môn trong phạm vi hành nghề hộ sinh; có khả năng thiết kế, tổ chức và điều phối các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh phù hợp với bối cảnh thực tiễn tại cộng đồng và cơ sở y tế.	✓	✓	✓
PEO 6	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tinh thần trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể trong thực hành nghề nghiệp; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp - pháp luật - quy chế chuyên môn; sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp để đảm bảo chất lượng và an toàn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, có khả năng tự học, học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp liên tục nhằm nâng cao trình độ.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Trình độ năng lực	Phân loại	
			Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức				
PLO 1	Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe sinh sản của phụ nữ và trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng.		✓	
PLO 2	Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, chuyên ngành trong công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng.			✓
PLO 3	Vận dụng được kiến thức và phương pháp luận khoa học trong thực hành nghề nghiệp để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng.		✓	
II. Kỹ năng				
PLO 4	Thực hiện thành thạo các cấp cứu ban đầu, thủ thuật, kỹ thuật sản phụ khoa, quy trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và sơ sinh, gia đình và cộng đồng đảm bảo an toàn, hiệu quả, liên tục.			
PLO 5	Quản lý, vận hành và sử dụng được các trang thiết bị y tế trong phạm vi thực hành hộ sinh đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.			
PLO 6	Thực hiện được một số phương pháp y học cổ truyền, phục hồi chức năng trong chăm sóc, dự phòng một số bệnh thông thường ở phụ nữ và trẻ sơ sinh.			✓
PLO 7	Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, thực hành chuyên môn dựa trên bằng chứng để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, gia đình và cộng đồng.			✓
PLO 8	Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường liên ngành, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho phụ nữ và trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng.			✓
PLO 9	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương; Có năng lực số đạt bậc 2, mức độ cơ bản (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để hoàn thành nhiệm vụ			✓

	cụ thể ngành hộ sinh			
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO 10	Có năng lực làm việc độc lập và tự chủ trong phạm vi hành nghề hộ sinh; đưa ra quyết định chuyên môn phù hợp; chủ động học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp và đóng góp vào việc nâng cao vị thế nghề hộ sinh trong xã hội		✓	
PLO 11	Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể trong thực hành nghề nghiệp, đảm bảo an toàn – chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản.		✓	
PLO 12	Tuân thủ đạo đức, pháp luật và có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát đồng nghiệp trong chăm sóc hộ sinh		✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PEO 1	x	x	x									
PEO 2				x	x			x				
PEO 3					x		x	x	x	x		
PEO 4					x	x		x		x		
PEO 5										x	x	x
PEO 6										x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

- Phạm vi tuyển sinh: cả nước;

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường;

- Phương thức tuyển sinh: theo Thông tin tuyển sinh (hàng năm) của Trường;

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 50-70 chỉ tiêu/năm;

- Tổ chức tuyển sinh: thực hiện theo Thông tin tuyển sinh (hàng năm) của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/module	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức cơ bản: 28 tín chỉ (20,28%) (không bao gồm các học phần: Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất)									
	Học phần bắt buộc: 28 tín chỉ									
1.	HCGD1018	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	8	0	240	160				2
2.		Giáo dục thể chất (chọn 1 trong 5 HP)								
2.1	HCBBC1013	Bóng chuyền	3 (0/3)	0	90	60				5,6
2.2	HCBH1013	Bóng chuyền hơi	3 (0/3)	0	90	60				5,6
2.3	HCBR1013	Bóng rổ	3 (0/3)	0	90	60				5,6
2.4	HCCB1013	Bóng bàn	3 (0/3)	0	90	60				5,6
2.5	HCCL 1013	Cầu lông	3 (0/3)	0	90	60				5,6
3.	HSKH1013	Khoa học cơ bản	3 (2/1)	30	30	90				1
4.	HCTH1013	Triết học Mác Lênin	3 (3/0)	45	0	105				1
5.	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				2
6.	HCKN1013	Kỹ năng số	3 (1/2)	15	60	75				2
7.	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH1013		3
8.	HCTA1013	Tiếng Anh 1	3 (3/0)	45	0	105				3
9.	HCTA1023	Tiếng Anh 2	3 (3/0)	45	0	105		HCTA1013		4
10.	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT1012		5
11.	HSTA1033	Tiếng Anh 3	3 (3/0)	45	0	105		HCTA1023		5
12.	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN1012		6
13.	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS1012		7
II	Khối kiến thức cơ sở ngành 43 tín chỉ (31,16%)									
2.1	Học phần bắt buộc: 41 tín chỉ (22,9%)									
14.	HCTK1214	Thống kê y tế - Phương pháp NCKH	4 (2/2)	30	60	110				5
15.	HCYH1214	Y học cơ sở 1	4 (2/2)	30	60	110				1
16.	HCYH1225	Y học cơ sở 2	5 (4/1)	60	30	160			HCYH1214	1
17.	HCHO1212	Hệ hô hấp	2	20	20	60	HCYH1233			2
18.	HCHA1212	Hệ tim mạch	2	25	10	60	HCYH1225			2
19.	HCYH1233	Y học cơ sở 3	3 (2/1)	30	30	90			HCYH1214	1
20.	HCHC1212	Hệ Da - Cơ - Xương - Khớp	2	22.5	15	62.5	HCYH1233			3
21.	HCHU1212	Hệ tiết niệu	2	22.50	15	62.5	HCYH1233			3

TT	Mã học phần/module	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
22.	HCHT1212	Hệ tiêu hóa	2	27.5	5	67.5	HCYH1233			2
23.	HCTH1213	Tính chuyên nghiệp	3 (3/0)	45	0	105				3
24.	HCDT1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55		HCYH1233		4
25.	HSDD1212	Dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sau sinh	2 (1/1)	15	30	55				4
26.	HSHS1213	Hệ nội tiết - Sinh sản	3	37.50	15	97.5	HCYH1233			4
27.	HCHN1212	Hệ thần kinh	2	25	10	65	HCYH1233			4
28.	HSSK1213	Sức khỏe nghề nghiệp - Truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe	3 (2/1)	30	30	90				6
2.2	Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần) (1,5%)									
29.	HCKS1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55		HCYH1233, HSCS1414, HSCO1414		7
30.	HSTH1312	Tin học ứng dụng	2 (1/1)	15	30	55				7
31.	HCTC1312	Tổ chức & Quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2 (2/0)	30	0	70				7
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 63 tín chỉ (45,66%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 55 tín chỉ									
32.	HSĐD1412	Điều dưỡng cơ bản	2 (0/2)	0	60	40				3
33.	HSHL1413	Huấn luyện kỹ năng Hộ sinh	3 (0/3)	0	90	60			HSĐD1412	3
34.	HSCS1414	Chăm sóc phụ nữ trước sinh	4 (2/2)	30	60	110		HSHL1413		4
35.	HSQL1413	Quản lý hộ sinh	3 (2/1)	30	30	90				4
36.	HSCO1414	Chăm sóc phụ nữ chuyển dạ	4 (2/2)	30	60	110		HSCS1414		5
37.	HSCC1414	Chăm sóc sau sinh	4 (2/2)	30	60	110			HSCO1414	5
38.	HSCS1412	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2 (0/2)	0	60	40		HSHL1413		5
39.	HSBH1412	Bệnh học	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413		6
40.	HSHS1312	Hồi sức cấp cứu	2 (1/1)	15	30	55				6
41.	HSPK1414	Phụ khoa, tiền mãn kinh, mãn kinh	4 (2/2)	30	60	110		HSHL1413		6
42.	HSSK1413	Sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên	3 (1/2)	15	60	75		HSHL1413		6
43.	HSTH1415	Thực hành sản phụ khoa 1	5 (0/5)	0	150	100		HSCC1414		6
44.	HSDS1413	Dân số - KHHGD	3 (1/2)	15	60	75				7
45.	HSSK1412	Sức khỏe tâm thần phụ nữ thời kỳ sinh sản	2 (1/1)	15	30	55		HSCO1414		7
46.	HSCB1414	Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con	4 (2/2)	30	60	110		HCYH1233		8
47.	HSCU1414	Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi	4 (1/3)	15	90	95		HSĐD1412, HSCC1414		8
48.	HSTH1424	Thực hành sản phụ khoa 2	4 (0/4)	0	120	80		HSTH1414		8
3.2	Học phần tự chọn: chọn 8 tín chỉ trong các học phần									
49.	HSCS1512	Chăm sóc giảm nhẹ	2 (1/1)	15	30	55			HSĐD1412	7

TT	Mã học phần/mod ule	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
50.	HSC01512	Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413	7	
51.	HSDD1512	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	15	30	55			7	
52.	HSDD1512	Điều dưỡng hộ gia đình	2 (1/1)	15	30	55		HSDD1412	7	
53.	HSPH1512	Phục hồi chức năng	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413	7	
54.	HSVS1512	Vô sinh	2 (1/1)	15	30	55		HSHL1413	7	
55.	HSYH1512	Y học cổ truyền	2 (1/1)	15	30	55			7	
IV Tốt nghiệp: 4 tín chỉ (2,9%)										
56.	HSTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP có tính điểm TL	8	
TỔNG SỐ			138	1085	1850	3740				

Tổng số 138 tín chỉ không bao gồm các học phần: Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất.

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
GDANQP	Pháp luật đại cương	Nhập môn chuyên ngành	Tiếng anh 2	Bóng bàn	Lịch sử Đảng	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chương trình Ngoại ngữ
Khoa học cơ bản	Tin học cơ bản	Tiếng anh 1	Dịch lý học	Bóng chuyền	SISS-VTH	SAT Khoa cử Đại học Y Hà Nội	Thực tập chuyên ngành 3
Triết học	Hệ hà nhân	Hệ đại số tuyến tính	Dinh dưỡng cho	Bóng chày hơi	Bác khoa tiền phẫu nội	Đàn gô - KHỐI GỢP	Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con
Y học sơ cấp 1	Hệ tiêu hóa	Hệ tiết niệu	Hệ nội tiết sinh dục	Bóng rổ	Thực hành SSI 1	Cơ sở bệnh lý lâm sàng 1/2	Thực hành SPK2
Y học sơ cấp 2	Y học sơ cấp 3	Hệ tiêu hóa	Hệ thần kinh	Cầu lông	Hội thảo cấp khoa	Thực hành chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp
		Tính chuyên đề	Tính chuyên đề 2	Sức khỏe quốc tế chuyên ngành	Định hướng tài chính	Y học cổ truyền	Khoá luận tốt nghiệp
		Điều dưỡng cơ bản	Quản lý điều dưỡng	Cấp cứu cấp 1	Bệnh nhân cấp cứu	Y học cổ truyền	Các học phần chung
		Hướng nghiệp y học	Chăm sóc phụ nữ	Cấp cứu cấp 2	Tin học y học	Y học cổ truyền	Khoa học cơ bản
				Cấp cứu cấp 3	Thực hành SSI 2	Y học cổ truyền	Cơ sở ngành
				Cấp cứu cấp 4	Thực hành SSI 3	Y học cổ truyền	Học phần tự chọn
				Cấp cứu cấp 5	Thực hành SSI 4	Y học cổ truyền	Khoá luận tốt nghiệp
23TC	15 TC	17TC	14TC	19TC	21TC	20	16TC

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của các Học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng dưới đây:

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	HCGD1018	M											L
2	HCBC1013	M											H

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	HCBR1013	M											H
4	HCBB1013	M											H
5	HCCL1013	M											H
6	HSKH1013		H								L		
7	HCTH1013	M											M
8	HCPL1012	M											M
9	HCKN1013			L							H		
10	HCKT1012	M											M
11	HCTA1013		M							M	H		
12	HCTA1023		M							M	H		
13	HCCN1012	M											M
14	HSTA1033		M							M	H		
15	HCLS1012	M											M
16	HCTT1012	M											M
17	HCTK1214			H				H				M	M
18	HCYH1214		M								M	M	
19	HCYH1225		M		L						M	M	
20	HCHO1212		M			L			L		M		
21	HCHA1212		M			M					M	M	
22	HCYH1233		M		M						M	M	
23	HCHC1212		M								M	M	M
24	HCHU1212		M					M	M		M		
25	HCHT1212		M					M	M		M		
26	HCTH1213	M							M			M	M
27	HCDT1212		M										M
28	HSDD1212		M						M			M	M
29	HSHS1213		M		M			M					
30	HCHN1212		M		M						M		
31	HSSK1213	M							M			M	M
32	HCKS1312		M		M							M	M
33	HSTH1312		M					M		M			

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
34	HCTC1312	M	M										M
35	HSĐD1412				M				M		M		M
36	HSHL1413				L				L		M	M	M
37	HSCS1414	H	H	H	H						M	M	M
38	HSQL1413	H				H			H		M	M	M
39	HSCO1414	H	H	H	H	H		H	H	M	H	H	H
40	HSCC1414		H	H	H	H		H	H		H	H	H
41	HSCS1412		M	M	M			M	M		M	M	M
42	HSBH1412		M	M	M	M	M	M	M				
43	HSHS1312		M	M	M	M	M	M	M				
44	HSPK1414	H	H						M	H			
45	HSSK1413	M	M			M	M	M	M	H	M	M	M
46	HSTH1415	H	H	M	H	H	H	M	L	H	H		
47	HSDS1413	M	H	H	H	H	M	M	H		H	H	H
48	HSSK1412		M		M				M		M		
49	HSCB1414		M		M				M			M	M
50	HSCU1414		H		M	M					M	M	M
51	HSTH1424	H	H	M	H	H	H	M	L	H	H		
52	HSCS1512		M	M	M			M		M	M	M	M
53	HSCO1512		M		M				M			M	M
54	HSDD1512		M						M			M	M
55	HSĐD1512		M		H				H				M
56	HSPH1512		M		M	M	M		M		L	M	
57	HSVS1512		M	M	M	M			M			H	H
58	HSYH1512		M		H		H						
59	HSTT1614	M	M	H	M	M	M	H	L	L	M	M	M

Mức độ đóng góp của học phần so với CDR: L: Thấp; M: Vừa; H: Cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)
-------------	---

dạy-học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Thuyết trình	x	X	x	x	x								
Dạy học bằng tình huống						x	x	x	x		x	x	
Dạy học bằng bảng kiểm						x	x	x	x	x	x	x	
Thảo luận nhóm						x	x	x	x	x	x	x	
Làm mẫu						x	x	x	x		x	x	

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Tùy theo số lượng tín chỉ trong mỗi học phần mà trọng số có thể thay đổi:

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	*Nội dung đánh giá: 1. Điểm danh có mặt trên lớp 2. Thực hiện chỉ tiêu thực hành 3. Hoàn thành bài tập cá nhân	10%
Thường xuyên	* Nội dung: Kiểm tra kiến thức. * Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, chấm KHCS, câu hỏi tình huống. * Thời điểm: khi học được 1/2 và/hoặc 2/3 số tiết học phần. * Số lần: 01/02 lần đánh giá (theo số TC của HP, theo quy định của trường).	10%
Giữa phần	* Nội dung: Kiểm tra kiến thức (với HP không có thực hành)/kỹ năng (với HP có thực hành). * Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống, vấn đáp, bảng kiểm. chấm CTLS * Thời điểm: Khi học được 2/3 số tiết học phần, hoặc cuối các bài thực hành (với học phần thực hành). * Số lần: 01 lần đánh giá.	30%
Kết thúc học phần lý thuyết	Tự luận * Nội dung: Kiểm tra kiến thức. * Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tình huống, * Thời điểm: Khi học hết chương trình. * Số lần: 01 lần đánh giá.	20%
Kết thúc học phần thực hành (với các HP chuyên ngành có thực hành)	* Nội dung: Kiểm tra kỹ năng. * Công cụ: Hỏi KHCS, OSCE. * Thời điểm: Khi học kết thúc thực hành * Số lần: 01 lần đánh giá.	30%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Báo cáo cá nhân/nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành						x	x	x	x	x	x	x
Tự luận	x	x	x	x	x							
Trắc nghiệm trên máy	x	x	x	x	x							
OSPE						x	x	x	x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Khối kiến thức	Trường ĐHYD Thái Nguyên 2025		Trường ĐHY Hà Nội 2022		Trường ĐHYD Huế 2020		Naresuan Thái Lan	
	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)
Cơ bản	28	20,3	20	13,1	26	19,0	29	24,8
Cơ sở ngành	43	31,2	30	19,6	20	14,7	24	20,6
Chuyên ngành	55	39,9	86	56,2	55	40,4	54	46,1
Tự chọn	8	5,8	6	3,9	28	20,7	4	3,4
Tốt nghiệp	4	2,9	11	7,2	7	5,2	6	5,1
Tổng	138	100	153	100	136	100	117	100

Kết quả đối sánh trên cho thấy các chương trình trong nước có tỷ lệ số tín chỉ cho các nhóm kiến thức tương đương nhau và phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Các học phần trong khung chương trình Cử nhân ngành Hộ sinh theo xu hướng tăng cường giảng dạy vận dụng kiến thức y học cơ sở vào thực tế lâm sàng, nâng cao kỹ năng chuyên nghiệp, biện luận lâm sàng, định hướng nghề nghiệp và tính tự học của sinh viên.

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Tăng cường thực hành các nội dung trên thực tiễn đặc biệt là môn giải phẫu bệnh	Cân nhắc điều chỉnh nội dung thực hành
Cựu sinh viên	Bổ sung các môn học AI và ứng dụng	Thay đổi học phần “Tin học cơ bản” sang Kỹ năng số theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Nhà tuyển dụng	Tăng thời gian thực tế tại các bệnh viện.	Cân nhắc thay đổi từ năm học 2025-2026
Giảng viên	Thêm học phần “Bơi lội”	Cân nhắc khi đủ điều kiện

XII. Mô tả tóm tắt các Học phần thuộc chương trình đào tạo

TT	Mô tả học phần
I	Khối kiến thức cơ bản
1	<p>Giáo dục Quốc phòng-An ninh: 240 tiết</p> <p>Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 8 tín chỉ (240 tiết) được giảng dạy ở kỳ 1 tại Trung tâm Quốc phòng và An ninh (Đại học Thái Nguyên). Mục tiêu của HP nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Học phần này đóng góp CĐR 1 (mức độ trung bình), 12 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.</p>
2	<p>Giáo dục thể chất: 3 tín chỉ (0/3)</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở các học kỳ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội của SV với tin thần thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, phát triển hài hòa về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng yêu cầu xã hội. Học phần này đóng góp CĐR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
2.1	<p>Bóng chuyền</p> <p>Học phần Bóng chuyền thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở các kỳ của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn Bóng chuyền bao gồm các kỹ thuật chuyền bóng, đập bóng, chắn bóng, phát bóng và một số điều luật, thông qua phương pháp chủ yếu là thuyết trình kết hợp thị phạm, hướng dẫn, chia nhóm, thi đấu. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 ở mức độ trung bình, PLO12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
2.2	<p>Bóng chuyền hơi</p> <p>Học phần Bóng chuyền hơi thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở các kỳ của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn Bóng chuyền hơi bao gồm các kỹ thuật chuyền bóng, đập bóng, chắn bóng, phát bóng và một số điều luật, thông qua phương pháp chủ yếu là thuyết trình kết hợp thị phạm, hướng dẫn, chia nhóm, thi đấu. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO01 ở mức độ trung bình, PLO12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
2.3	<p>Bóng rổ</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>Học phần Bóng rổ thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở các kỳ học của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn Bóng rổ bao gồm các kỹ thuật chuyên, bắt bóng, dẫn bóng, ném rổ và một số điều luật, thông qua phương pháp thuyết trình kết hợp với thị phạm, hướng dẫn, chia nhóm, thi đấu. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO01 ở mức độ trung bình, PLO12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
2.4	<p>Bóng bàn</p> <p>Học phần Bóng bàn thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở các kỳ của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn Bóng bàn bao gồm các kỹ thuật đánh bóng thuận tay, trái tay, kỹ thuật giạt cầu, kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật gò bóng, kỹ thuật phòng thủ... và một số điều luật, thông qua phương pháp chủ yếu là thuyết trình kết hợp thị phạm, chia nhóm, hướng dẫn, thi đấu. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO01 ở mức độ trung bình, PLO12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
2.5	<p>Cầu lông</p> <p>Học phần Cầu lông thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở các kỳ của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn Cầu lông bao gồm các kỹ thuật đánh cầu thuận tay, trái tay, kỹ thuật đập cầu, kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật bỏ nhỏ, kỹ thuật chém cầu... và một số điều luật, thông qua phương pháp chủ yếu là thuyết trình kết hợp thị phạm, chia nhóm, hướng dẫn, thi đấu. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO01 ở mức độ trung bình, PLO12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
3	<p>Khoa học cơ bản : 03 tín (2/1)</p> <p>Module Khoa học cơ bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy- học ở học kì I của chương trình đào tạo. Module này trang bị cho người học những vấn đề cơ bản nhất của Di truyền y học, Lý sinh y học, Hóa học ứng dụng trong y học. Module KHCB bao gồm các nội dung: đặc điểm bộ NST của người; đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học NST; các quy luật di truyền, phần lý sinh y học, hoá học sử dụng các kiến thức và quy luật vật lý, hoá học để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, giải thích cho các quá trình biến đổi chất trong cơ thể, nghiên cứu ảnh hưởng, tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các kỹ thuật y học hiện đại trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là: Thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: tự luận, sử dụng bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ cao và PLO10 mức độ thấp của chương trình đào tạo.</p>

TT	Mô tả học phần
4	<p>Triết học Mác Lênin: 03 tín chỉ (3/0)</p> <p>Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 3 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp CĐR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
5	<p>Pháp luật đại cương: 02 tín chỉ (2/0)</p> <p>Học phần Pháp luật đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật phòng chống tham nhũng. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như vận dụng kiến thức trong quá trình thực hiện pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm người học thực hiện bài tự luận. Học phần này đóng góp CĐR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
6	<p>Kỹ năng số: 03 tín chỉ (1/2)</p> <p>Học phần Kỹ năng số thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở năm thứ nhất của chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI); các kỹ năng sử dụng một số công cụ số và AI cơ bản trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống; đồng thời hình thành nhận thức về vai trò và tác động của công nghệ số và AI trong kỷ nguyên số. Học phần này đóng góp CĐR3 (mức độ thấp) và CĐR10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.</p>
7	<p>Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ (2/0)</p> <p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương, trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp CĐR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>

TT	Mô tả học phần
8	<p>Tiếng Anh 1: 03 tín chỉ (3/0)</p> <p>Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 02, năm thứ 02 của CTĐT. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về từ vựng-thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến cơ thể người và các hệ cơ quan như Hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu, hệ cơ xương và hệ da; cùng với việc củng cố các cấu trúc-ngữ pháp như đại từ, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, cấu trúc bị động/ngiêng tại đơn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn) và câu điều kiện loại 0, mệnh đề quan hệ được lồng ghép trong ngữ cảnh y khoa để vận dụng thực hành các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: vấn đáp, tự luận, MCQ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2, PLO9 ở mức độ trung bình và PLO 10 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
9	<p>Tiếng Anh 2: 03 tín chỉ (3/0)</p> <p>Học phần tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 01, năm thứ 03 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ da, cơ xương, nội tiết, hệ sinh sản và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến câu điều kiện loại) và loại 1, động từ khuyết thiếu và dạng bị động của động từ khuyết thiếu, thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành, câu so sánh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2, PLO9 ở mức độ trung bình và PLO 10 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
10	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ (2/0)</p> <p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 5 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 7 chương, sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo. Học phần này đóng góp CDR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>

TT	Mô tả học phần
11	<p>Tiếng Anh 3: 03 tín chỉ (3/0)</p> <p>Học phần Tiếng Anh 03 thuộc chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Hộ sinh, được dạy - học ở kỳ học 05 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người từ vựng liên quan đến vai trò, chức năng của người Hộ sinh, chế độ bổ sung dinh dưỡng, sử dụng thuốc trong quá trình mang thai, chăm sóc sản phụ trước sinh, sau sinh, và chăm sóc trẻ sơ sinh. Ngoài ra, các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến tư vấn và hướng dẫn sản phụ và người nhà của sản phụ trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho sản phụ và động chăm sóc sức khỏe cho sản phụ và trẻ sơ sinh cũng được cung cấp. Thông qua các bài học và các tình huống quen thuộc hàng ngày trong lĩnh vực Hộ sinh như trước sinh, sau sinh và chăm sóc trẻ sơ sinh, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong đời sống và trong hoạt động nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 02, 09 ở mức độ trung bình và 10 (PLO) ở mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
12	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ (2/0)</p> <p>Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này ngoài chương nhập môn gồm 3 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Phương pháp đánh giá người học kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp CĐR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
13	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ (2/0)</p> <p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và nêu vấn đề. Phương pháp đánh giá người học kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp CĐR 1, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
II	<p>Khối kiến thức cơ sở ngành</p>
14	<p>Thống kê y tế - Phương pháp NCKH: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Học phần Thống kê y tế - Phương pháp NCKH thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy-học vào kỳ học 3 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về thống kê; cách thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học và các kỹ năng để thực hành y học dựa vào bằng chứng. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một cán bộ y tế tương lai, được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>làm sau này của người thầy thuốc. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống và thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: viết tự luận, bảng kiểm, vấn đáp và báo cáo chuyên đề. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO3, PLO7 mức độ cao; PLO11, PLO12 mức trung bình của chương trình đào tạo.</p>
15.	<p>Y học cơ sở 1: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Module Y học cơ sở 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Module này sẽ trang bị cho người học các kiến thức đại cương về các danh pháp giải phẫu thông thường, các mặt phẳng quy chiếu giải phẫu để xác định vị trí các cơ quan trong cơ thể người, đặc điểm cấu tạo giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người và giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức cơ bản của giải phẫu đại cương để giải thích các biểu hiện bệnh. Module còn cung cấp cho các sinh viên kiến thức về cấu tạo của các mô cơ bản trong cơ thể người ở mức vi thể, siêu vi thể và giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các mô này, từ đó để sinh viên học các module cơ sở 2, 3 cũng như lâm sàng. Bên cạnh đó các sinh viên biết được tổn thương cơ bản của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý cũng như các tổn thương viêm và u bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Từ đó giúp sinh viên nhận biết được các tổn thương giải phẫu bệnh các hệ cơ quan sẽ học sau này và biết cách lựa chọn kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh phù hợp tạo tiền đề cho việc thăm khám và điều trị bệnh trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, MCQ, trạm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
16	<p>Y học cơ sở 2: 05 tín chỉ (4/1)</p> <p>Module Y cơ sở 2 gồm 5 tín chỉ, thuộc chương trình giảng dạy chuyên ngành Hộ sinh, được dạy học ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Module Y cơ sở 2 giúp sinh viên vận dụng được những hiểu biết qui luật chung của hoạt động và điều hòa hoạt động bình thường ở mức tế bào, các cơ quan trong duy trì hằng tính nội môi để giải thích, nhận định, đánh giá những rối loạn chuyển hóa ở mức tế bào, cơ quan: rối loạn nước - điện giải, rối loạn thăng bằng acid-base, rối loạn thân nhiệt, rối loạn sinh máu. Từ đó, có thể giải thích được cơ sở đường đưa thuốc vào cơ thể, một số yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, và cơ chế tác dụng chung của một số nhóm thuốc. Ngoài ra, người học thực hiện được các kỹ năng: đọc, viết đúng tên thuốc theo danh pháp quốc tế; kỹ năng quản lý, vận chuyển các loại bệnh phẩm nói chung và một số kỹ năng huyết học dành cho đối tượng điều dưỡng. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4 (mức độ thấp), PLO2,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
17	<p>Hệ hô hấp: 02 tín chỉ</p> <p>Module Hô hấp là một trong các module hệ thống cơ quan được bố trí giảng dạy vào học kì 2 năm 1 trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Module Hô hấp mô tả cấu trúc, chức năng của hệ hô hấp, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp, thấy được mối liên hệ về chức năng giữa hệ hô hấp với hệ tim mạch và các hệ cơ quan khác; giải thích được cơ sở của các liệu pháp chăm sóc và dự phòng một số bệnh lý hô hấp thường gặp, tạo nền tảng cho các năm học tập lâm sàng và thực</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>hành nghề nghiệp. Quá trình học module này giúp sinh viên hình thành kỹ năng tự học và học suốt đời. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, cầm tay chỉ việc, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, báo cáo thực hành, thao tác kỹ thuật, bảng kiểm, tự luận ngắn. Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 5, 8 mức độ thấp; chuẩn đầu ra 2, 10 mức độ trung bình của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh.</p>
18	<p>Hệ tim mạch: 02 tín chỉ</p> <p>Module tim mạch là một trong các module hệ cơ quan thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc. Module gồm 2 tín chỉ, được giảng dạy vào học kỳ 2 năm thứ nhất của chương trình đào tạo hộ sinh. Nội dung của Module gồm các bài giảng cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng bình thường và điều hòa chức năng của hệ thống tuần hoàn. Dựa trên những kiến thức này sẽ giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc chăm sóc, điều trị dự phòng một số bệnh tim mạch phổ biến. Bên cạnh đó, sau khi học xong Module sinh viên cũng thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm, ghi điện tâm đồ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm. Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 5, 10 và 11 của ngành Hộ sinh (mức độ trung bình). Điều kiện để học module tim mạch là sinh viên đã học trước Module y cơ sở 1, 2, 3.</p>
19	<p>Y học cơ sở 3: 03 tín chỉ (2/1)</p> <p>Module Y học cơ sở 3 gồm 3 tín chỉ, thuộc chương trình giảng dạy chuyên ngành Điều dưỡng và Hộ sinh, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Module giới thiệu các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch; cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch thường gặp (quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn), đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu trúc, cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng, nguyên lý, nguyên tắc các phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng, kiểm soát bệnh nhiễm trùng, nhiễm ký sinh trùng. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện và phân tích, diễn giải kết quả một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về miễn dịch, vi sinh và ký sinh trùng cơ bản. Module Y học cơ sở 3 đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2, 4, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
20	<p>Hệ Da - Cơ - Xương - Khớp: 02 tín chỉ</p> <p>Module Hệ Da – Cơ xương khớp thuộc lĩnh vực kiến thức cơ sở được dạy - học ở kỳ học thứ 3 của CTĐT ngành Hộ sinh trình độ đại học. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ da – cơ xương khớp ở người bình thường; Từ đó giúp sinh viên có thể giải thích được cơ chế hoạt động bình thường và một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ Da – cơ xương khớp, giải thích được nguyên lý một số kỹ thuật, thủ thuật điều dưỡng cơ bản, thực hiện và nhận định được một số xét nghiệm thăm dò hình thái và chức năng của hệ Da – Cơ xương khớp. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học tập chủ động các môn học trong các năm tiếp theo, rèn luyện thái độ chuyên nghiệp và hình thành một số kỹ năng mềm giúp cho quá trình tự học suốt đời. Các</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng và hướng dẫn học thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, đánh giá sự chuyên cần và tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 10, 11, 12 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
21	<p>Hệ tiết niệu: 02 tín chỉ</p> <p>Học phần/module Tiết niệu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học II của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về hình thái, cấu trúc, chức năng của thận và đường dẫn niệu, giải thích cơ chế hoạt động bình thường của chúng cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý của một số bệnh thường gặp trong hệ tiết niệu, giải thích được nguyên lý một số kỹ thuật, thủ thuật điều dưỡng cơ bản, đọc được các kết quả xét nghiệm thông thường và vận dụng được hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho bệnh nhân. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết minh, đảo chiều, thảo luận nhóm, ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 7, 8, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
22	<p>Hệ tiêu hóa: 02 tín chỉ</p> <p>Module tiêu hóa là một trong các module hệ thống cơ quan được bố trí giảng dạy vào học kì 2 năm 1 trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Module tiêu hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các cơ quan trong cơ thể tham gia vào hệ tiêu hóa bao gồm cấu trúc và chức năng của các cơ quan đó trong vận động cơ học, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết và bài xuất các chất. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và đề xuất nguyên tắc chăm sóc một số bệnh lý thường gặp của hệ tiêu hóa, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận, cơ sở chăm sóc trong các năm học tiếp theo và hành nghề sau này. Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 10, 11 của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Hộ sinh. Điều kiện để học module tiêu hóa là sinh viên cần được học trước các module Khoa học cơ bản, Y cơ sở 1, Y cơ sở 2, Y cơ sở 3, Module hô hấp, tim mạch.</p>
23	<p>Tính chuyên nghiệp: 03 tín chỉ (3/0)</p> <p>Học phần tính chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng mềm để giúp sinh viên học tập một cách chuyên nghiệp (thông qua các kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch, thảo luận nhóm, tư duy phản biện) và các kiến thức về tâm lý y học, y đức, an toàn người bệnh, sự cố y khoa và các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền. Từ đó giúp cán bộ y tế tương lai có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, đóng vai.. Phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, MCQ. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO8, PLO11, PLO12 mức độ trung bình của chương trình đào tạo</p>
24	<p>Dịch tễ học: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Dịch tễ học cơ sở thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về dịch tễ</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>học, về các tính toán đo lường trong dịch tễ học và nguyên lý, biện pháp giám sát phòng chống dịch; đồng thời cung cấp các kỹ năng cơ bản cho người học trong công tác phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống và thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQs, viết tự luận, vấn đáp và bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO12 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
25	<p>Dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sau sinh: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sau sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức bắt buộc, được dạy - học ở học kỳ 4 của CTĐT. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò của dinh dưỡng và an toàn thực phẩm đối với sức khỏe của bà mẹ mang thai và sau sinh. Đồng thời học phần này cũng trang bị cho người học về vai trò của các chất dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm thông dụng đối với sức khỏe và kiến thức về một số bệnh lý liên quan và phương pháp truyền thông dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sau sinh. Song hành với lý thuyết là nội dung thực hành, phần này sẽ bồi dưỡng cho người học những kỹ năng quan trọng trong đánh giá và tính khẩu phần, xây dựng thực đơn cũng như lựa chọn thực phẩm an toàn cũng như chế biến bữa ăn cân đối, hợp lý cho bà mẹ mang thai và sau sinh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm kiểm tra viết tự luận, thao tác kỹ thuật thực hành, thi viết tự luận. Học phần này đóng góp chuẩn đầu ra số 2, 8, 11, 12 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
26	<p>Hệ nội tiết - Sinh sản: 03 tín chỉ</p> <p>Module Hệ nội tiết - Sinh sản là một trong các module hệ cơ quan được bố trí giảng dạy vào học kì 4, năm 2 của ngành Hộ sinh trình độ đại học. Module này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ nội tiết, hệ sinh dục ở người bình thường; những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ nội tiết, hệ sinh dục cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.</p> <p>Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao chủ đề, tình huống cho sinh viên nghiên cứu chuẩn bị nội dung thảo luận nhóm, và thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, câu hỏi trắc nghiệm. Nội dung của module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 4, 7, (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
27	<p>Hệ thần kinh: 02 tín chỉ</p> <p>Module thần kinh gồm 02 tín chỉ, thuộc chương trình giảng dạy chuyên ngành Hộ sinh, được dạy học ở học kỳ 4 của chương trình. Module này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc đại thể, vi thể và hoạt động chức năng của hệ thần kinh, sự phù hợp giữa cấu trúc và chức năng. Từ đó, giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh, cũng như cơ chế tác dụng của thuốc, đặc biệt là các tác dụng phụ của thuốc để có thái độ xử trí, nguyên tắc chăm sóc, tư vấn dự phòng một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp liên quan đến lĩnh vực hộ sinh. Nội dung của Module nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,10 mức độ trung bình của chương trình đào tạo ngành hộ sinh.</p>

TT	Mô tả học phần
28	<p>Sức khỏe nghề nghiệp - Truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe: 03 tín chỉ (2/1)</p> <p>Học phần Sức khỏe nghề nghiệp - Truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe được dạy/học vào kỳ 1 của năm thứ 3 cho đối tượng sinh viên ngành Cử nhân Hộ sinh. Học phần này bao gồm 3 tín chỉ: 2 lý thuyết và 1 thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các khoa học môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và truyền thông giáo dục sức khỏe. Tăng cường các kỹ năng chăm sóc sức khỏe lao động, môi trường và hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe cho cá nhân cán bộ y tế và cộng đồng, đáp ứng được chuẩn năng lực của người Hộ sinh, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra 2,5,8. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một cán bộ Hộ sinh tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc làm sau này của người CBYT. Học phần này góp phần xây dựng các năng lực cần thiết của Cử nhân Hộ sinh theo yêu cầu của Bộ Y tế.</p>
	Học phần tự chọn
29	<p>Kiểm soát nhiễm khuẩn: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần/module Kiểm soát nhiễm khuẩn gồm 2 tín chỉ (01/01) thuộc học phần tự chọn của khối kiến thức Chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò của người Hộ sinh trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Chịu trách nhiệm cá nhân và phối hợp tốt với nhân viên y tế để triển khai các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu trường hợp, thảo luận bên giường bệnh... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, tiểu luận, hỏi thi thực hành. Học phần này đáp ứng CĐR 2,4,11,12(mức độ trung bình).</p>
30	<p>Tin học ứng dụng: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Tin học ứng dụng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học trong các kỳ thuộc năm học thứ 4 của CTĐT. Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây trong tìm kiếm, xử lý thông tin y học; sử dụng các phần mềm trong quản lý, xử lý và thống kê y học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành trên máy tính, tự học... Các phương pháp kiểm tra/lượng giá người học bao gồm: đánh giá kết quả người học bởi bảng kiểm, trắc nghiệm MCQ, bài pretest trên eLearning, kỹ năng thực hành trên máy tính.</p> <p>Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 7 và 9 với mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
31	<p>Tổ chức & Quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số: 02 tín chỉ (2/0)</p> <p>Học phần Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được học ở kỳ 7 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về Tổ chức hệ thống y tế Việt Nam, Các quan điểm của Đảng trong công tác y tế và một số kỹ năng trong quản lý y tế. Học phần cũng giới thiệu về chương trình y tế quốc gia hiện hành và trang bị các kiến thức cơ bản về dân số học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và nghiên cứu tình huống. Các phương pháp đánh giá người học là tự luận, trắc nghiệm MCQ cho các mục kiểm tra thường xuyên, giữa học phần và kết</p>

TT	Mô tả học phần
	thức học phần. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 1,2 12 (mức độ trung bình) , của chương trình đào tạo.
III	Khối kiến thức chuyên ngành
32	<p>Điều dưỡng cơ bản: 02 tín chỉ (0/2)</p> <p>Học phần Điều dưỡng cơ bản[1] thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kỹ năng giao tiếp, chuẩn bị người bệnh, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thực hiện một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên có thái độ đúng mực với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp, có trách nhiệm trong mọi công việc được giao. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, thao diễn mẫu, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên và trợ giảng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá theo bảng kiểm và chạy trạm OSPE. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4, 8 (mức độ trung bình) chuẩn đầu ra 10, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
33	<p>Huấn luyện kỹ năng Hộ sinh: 03 tín chỉ (0/3)</p> <p>Học phần Huấn luyện kỹ năng hộ sinh có 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng tư vấn, khám vú, khám phụ khoa, khám và chăm sóc trẻ sơ sinh và một số kỹ thuật cơ bản: kĩ thuật đặt mỏ vịt âm đạo, theo dõi chuyển dạ, theo dõi thai bằng monitoring, đo chiều cao tử cung – vòng bụng – nghe tim thai, đỡ đẻ thường ngôi chỏm, cắt khâu tầng sinh môn, xử trí tích cực giai đoạn 3, đặt dụng cụ tử cung, hút thai bằng bơm hút chân không, hồi sức trẻ sơ sinh và kĩ thuật thông tiểu, rửa bàng quang, thay băng rửa vết thương. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên có thái độ đúng mực nhưng thân thiện khi giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học bằng bảng kiểm, đóng vai và dạy học theo nhóm nhỏ. Học phần này sử dụng phương pháp lượng giá và đánh giá người học bằng bảng kiểm và OSPE. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4; 8 (mức độ thấp),10, 11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
34	<p>Chăm sóc phụ nữ trước sinh: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Module chăm sóc phụ nữ trước sinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở năm thứ 3 của CTĐT. Module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về sinh lý phụ khoa, chẩn đoán thai nghén, chăm sóc quản lý thai nghén, cách phát hiện các bất thường trong quá trình thai nghén. Có kỹ năng cơ bản về thăm khám, phát hiện, xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc thai phụ trong quá trình mang thai. Giao tiếp được với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và đồng nghiệp. Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học ở các năm tiền lâm sàng để hình thành kinh nghiệm lâm sàng trong sản khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1,PLO2,PL03,PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10,PLO11, PLO12 của chương trình đào tạo.</p>

TT	Mô tả học phần
35	<p>Quản lý hộ sinh: 03 tín chỉ (2/1)</p> <p>Học phần Quản lý Hộ sinh là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Hộ sinh, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, cách giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn, cũng như cách xây dựng kế hoạch đào tạo liên tục cho Hộ sinh. Rèn sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông. Luyện cho sinh viên có đức tính trung thực, khách quan trong công việc; tôn trọng, chân thành và hợp tác với đồng nghiệp; có ý thức tự học và phát triển nghề nghiệp; Tuân thủ thực hành nghề nghiệp theo qui định pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm nhỏ, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm test trắc nghiệm MCQ, tự luận, vấn đáp, tiểu luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO5 và PLO8 mức độ cao; PLO10, PLO11 và PLO12 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
36	<p>Chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Học phần chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ có 4 tín chỉ, bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành, được dạy học ở học kỳ 2 năm thứ ba. Học phần này có học phần tiên quyết là học phần “chăm sóc phụ nữ khi mang thai”. Phần lý thuyết gồm 2 tín, bao gồm 14 bài giảng lý thuyết được giảng trong 20 tiết giảng lý thuyết và 10 tiết thảo luận. Phần thực hành cũng gồm 2 tín, bao gồm 12 bài giảng trong 60 tiết. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về sinh lý chuyển dạ đẻ, cơ chế đẻ... những kiến thức này giúp sinh viên nhận định và tiên lượng được một cuộc chuyển dạ đẻ thường và phát hiện một số biểu hiện bất thường trong chuyển dạ đẻ. Những kiến thức về chẩn đoán và xử trí cho chuyển dạ đẻ thường và đẻ có nguy cơ. Từ đó lập được kế hoạch theo dõi và chăm sóc trong chuyển dạ cho một cuộc chuyển dạ đẻ thường và đẻ có nguy cơ. Các kiến thức khi học học phần này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời. Phương pháp lượng giá với phần lý thuyết là câu hỏi trắc nghiệm MCQ, với phần thực hành là thi bảng kiểm, vấn đáp trên kế hoạch chăm sóc. Nội dung học phần đáp ứng chuẩn đầu ra 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 12 mức độ cao và chuẩn đầu ra 9 mức độ vừa của chương trình đào tạo.</p>
37	<p>Chăm sóc sau sinh: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Module chăm sóc sau sinh gồm 4 tín chỉ (02/02) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về những thay đổi giải phẫu, sinh lý người phụ nữ ở giai đoạn sau sinh. Đồng thời giúp sinh viên phát triển kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc theo quy trình điều dưỡng cho sản phụ sau sinh và trẻ sơ sinh. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành một số các thủ thuật sản phụ khoa, kỹ năng cấp cứu, chăm sóc trẻ sơ sinh và nâng cao năng lực tư vấn giáo dục sức khỏe cho sản phụ sau sinh. Bên cạnh đó module này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập. Phương pháp dạy - học được áp dụng đa dạng nhằm phát huy tính tích cực, tự học và năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên: Thuyết trình, thảo luận nhóm, giảng dạy tại buồng bệnh, phương pháp “cầm tay chỉ việc” trong thực hành lâm sàng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập bao gồm: Thi tự luận, bài tập tình huống, thực hành kỹ thuật điều dưỡng, báo cáo nhóm, lập kế hoạch chăm sóc, nhận định chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh, thi vấn đáp. Module này đóng góp vào chuẩn đầu ra</p>

TT	Mô tả học phần
	2,3,4,5,7,8,10, 11,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.
38	<p>Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng: 02 tín chỉ (0/2)</p> <p>Học phần chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng gồm 02 tín chỉ (0/2) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và áp dụng những kiến thức và kỹ năng của những học phần trước thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và chuyên ngành hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Trọng tâm của học phần này là việc vận dụng 5 bước của quy trình chăm sóc cộng đồng (nhận định, chẩn đoán, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá) vào chăm sóc một số vấn đề sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Ngoài ra, học phần này giúp cho các sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng chuyên môn tại trạm y tế xã; đồng thời có cơ hội rèn luyện, nâng cao các kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, làm việc độc lập, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tại cộng đồng. Phương pháp dạy - học được áp dụng đa dạng nhằm phát huy tính tích cực, tự học và năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên: thảo luận nhóm, giảng dạy tại cộng đồng, trong thực hành tại cộng đồng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập bao gồm: báo cáo nhóm, lập kế hoạch chăm sóc, nhận định chăm sóc người bệnh tại cộng đồng, thi vấn đáp. Modul này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,7,8,10, 11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
39	<p>Bệnh học: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Mô tả học phần: Học phần bệnh học gồm 2 tín chỉ, được học tại học kỳ 4 của chương trình, điều kiện tiên quyết là các học phần huấn luyện kỹ năng. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tiếp cận phụ nữ, sản phụ mắc một số bệnh nội khoa thường gặp, như kỹ năng hỏi, khám bệnh qua đó có khả năng lập luận chẩn đoán và ra quyết định chăm sóc có hiệu quả, có tính chuyên nghiệp đối với một số bệnh nội khoa thường gặp ở phụ nữ và sản phụ. Nội dung học phần có 7 chủ đề bệnh học nội khoa thường gặp. Để học có hiệu quả sinh viên cần đọc trước kiến thức bệnh học: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc...trong tài liệu do nhóm giảng viên biên soạn, sinh viên tự trả lời các câu hỏi đã có sẵn trong tài liệu hướng dẫn học tập, lên lớp đầy đủ tham gia tích cực hoạt động thảo luận ca lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được thực hành lâm sàng như hỏi bệnh, khám bệnh, thảo luận chẩn đoán, chăm sóc ca bệnh, tham gia thực hành chăm sóc, đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhân tại một số phòng bệnh của bệnh viện, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên, bác sĩ bệnh viện. Nội dung học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7, 8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo ngành hộ sinh.</p>
40	<p>Hồi sức cấp cứu: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần hồi sức cấp cứu gồm 2 tín chỉ, được học tại học kỳ 6 của chương trình, điều kiện tiên quyết là các học phần cơ sở ngành và huấn luyện kỹ năng. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hành xử trí ban đầu, chăm sóc có hiệu quả, có tính chuyên nghiệp đối với một số cấp cứu nội khoa thường gặp ở phụ nữ và sản phụ. Nội dung học phần là 7 chủ đề cấp cứu nội khoa thường gặp. Để học có hiệu quả sinh viên cần đọc trước kiến thức bệnh học: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc...trong tài liệu do nhóm giảng viên biên soạn, sinh viên tự trả lời các câu hỏi đã có sẵn trong tài liệu hướng dẫn học tập, lên lớp đầy đủ tham gia tích cực hoạt động thảo luận ca lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng</p>

TT	Mô tả học phần
	viên. Sinh viên được thực hành lâm sàng như hỏi bệnh, khám bệnh, thảo luận ca bệnh, tham gia hồi sức bệnh nhân tại một số phòng cấp cứu của bệnh viện vào buổi sáng các ngày trong tuần, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên, bác sĩ bệnh viện. Nội dung học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7, 8 mức độ trung bình của chương trình đào tạo ngành hộ sinh.
41	<p>Phụ khoa, tiền mãn kinh, mãn kinh: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Module phụ khoa, TMK MK thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về phụ khoa, tiền mãn kinh, mãn kinh. Những kiến thức này giúp sinh viên giải thích sinh lý, cơ chế từ đó nhận diện được các bệnh lý của người phụ nữ liên quan đến sức khỏe sinh sản. Các kiến thức khi học học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu ở phần lý thuyết là thuyết trình, thảo luận, giảng dạy bằng ca lâm sàng; phần thực hành là hoạt động theo nhóm, thảo luận ca bệnh, bảng kiểm, dạy học bên giường bệnh/ đi buồng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm câu hỏi trắc nghiệm, hỏi lâm sàng, kế hoạch chăm sóc, bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 8 (mức độ trung bình), 1,2,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.</p>
42	<p>Sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên: 03 tín chỉ (1/2)</p> <p>Module sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và những thay đổi tâm sinh lý ở tuổi vị thành niên, thanh niên; những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của độ tuổi này. Học phần này cũng dạy cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong tư vấn các vấn đề về sức khỏe sinh sản cho đối tượng vị thành niên, thanh niên. Đồng thời sinh viên cũng nhận thức được tầm quan trọng của công tác tư vấn về sức khỏe sinh sản như: xuất tinh, kinh nguyệt, vấn đề sử dụng các biện pháp tránh thai, hay mang thai cũng như vấn đề nhạy cảm liên quan đến bào hành trong tình dục ở tuổi vị thành niên, thanh niên. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời. Phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp case study, thảo luận nhóm và thực hành tại bệnh viện. Phương pháp lượng giá là MCQ, bảng kiểm, vấn đáp trên kế hoạch chăm sóc. Nội dung học phần đáp ứng chuẩn đầu ra 1, 2, 5,6,7,8,10,11,12 mức độ trung bình và chuẩn đầu ra 5,9 mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
43	<p>Thực hành sản phụ khoa 1: 05 tín chỉ (0/5)</p> <p>Học phần thực hành sản phụ khoa 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành hộ sinh được giảng dạy ở năm thứ 3. Để học được học phần này sinh viên cần phải hoàn thiện các học phần tiên quyết gồm module 1 và module 2. Học phần này sẽ trang bị sinh viên thực hành các kỹ năng lâm sàng cơ bản trong chăm sóc thai phụ trong quá trình mang thai và khi chuyển dạ. Đồng thời giúp sinh viên nâng cao năng lực về nhận định chăm sóc, chẩn đoán chăm sóc, kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc thai phụ ở giai đoạn mang thai và khi chuyển dạ. Bên cạnh đó học phần này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập cũng như chăm sóc người bệnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thực hành kỹ năng lâm sàng, bình kế hoạch chăm sóc. Các phương pháp đánh giá người học bao</p>

TT	Mô tả học phần
	gồm: lượng giá chỉ tiêu thực hành lâm sàng, lượng giá kế hoạch chăm sóc và thi chạy trạm trên mô hình. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CLO) 1,2,4,5,6,9,10 mức độ cao; CLO 3,7 mức độ trung bình và CLO 8,10 mức độ thấp của chương trình đào tạo.
44	<p>Dân số - KHHGD: 03 tín chỉ (1/2)</p> <p>Học phần Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gồm 3 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở học kỳ 7 của chương trình đào tạo. Học phần có các học phần tiên quyết bao gồm Chăm sóc phụ nữ trước sinh, Chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ, Chăm sóc sau sinh, Sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên, Phụ khoa - Tiền mãn kinh, mãn kinh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về dân số và nhân khẩu học của Việt Nam; những biện pháp tránh thai được xây dựng trên cơ sở sinh lý sinh sản đã được dạy trong các học phần chuyên ngành trước đó. Đồng thời, người học được cung cấp kiến thức về các biện pháp phá thai an toàn và áp dụng trên lâm sàng. Nội dung thực hành, người học được thực hành trên mô hình để có thể thực hiện được một số thủ thuật của dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho người học kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn kế hoạch hóa gia đình để đáp ứng các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình ở cộng đồng. Phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp case study, thảo luận nhóm và thực hành tại bệnh viện. Phương pháp lượng giá là MCQ, bảng kiểm, vấn đáp trên kế hoạch chăm sóc. Nội dung học phần đáp ứng chuẩn đầu ra 1, 6, 7 mức độ trung bình và chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 8, 10, 11, 12 mức độ cao của chương trình đào tạo.</p>
45	<p>Sức khỏe tâm thần phụ nữ thời kỳ sinh sản: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Sức khỏe tâm thần ở phụ nữ thời kỳ sinh sản được thiết kế 02 tín chỉ, bao gồm 01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ 7 năm thứ 4. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4, 8,10 mức độ trung bình của chương trình đào tạo. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần tiên quyết bao gồm các học phần Y cơ sở 1,2,3 và các học phần học trước là Chăm sóc phụ nữ chuyển dạ (HSCO1414). Thông qua học phần này, sinh viên có khả năng phát hiện các vấn đề tâm lý, tâm thần ở phụ nữ giai đoạn mang thai, trong và sau sinh; lập kế hoạch theo dõi, chăm sóc và tư vấn các vấn đề tâm lý, tâm thần cho sản phụ và gia đình sản phụ. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần: Hoàn thành 01 bài kiểm tra thường xuyên lấy điểm trọng số 10%, 01 bài thi thực hành trọng số 30% và bài thi kết thúc học phần trọng số 50%. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường bộ môn với phương pháp giảng dạy tích cực. Học thực hành tại Khoa Sản và Khoa Tâm bệnh Bệnh viện trung ương Thái Nguyên 5 buổi/ 1 tuần.</p>
46	<p>Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con: 04 tín chỉ (2/2)</p> <p>Học phần Các bệnh lây truyền từ mẹ sang con là học phần tự chọn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, gồm 04 tín chỉ (02 LT/02 TH), được giảng dạy ở học kỳ 8 năm thứ tư của CTĐT. Điều kiện tiên quyết của học phần là sinh viên đã được tích lũy học phần HCYH 1233 (Học phần Y cơ sở 3). Sinh viên sẽ được học lý thuyết trên giảng đường gồm một bệnh thường gặp lây truyền từ mẹ sang con (các bệnh thuộc chuyên ngành Truyền nhiễm và chuyên ngành Da liễu), học thực hành tại Khoa Bệnh nhiệt đới và khoa Da liễu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Về thực hành sinh viên được giảng dạy kỹ năng về nhận định chăm sóc, chẩn đoán chăm sóc,</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lây truyền từ mẹ sang con thường gặp. Bên cạnh đó học phần này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, tư vấn, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập cũng như chăm sóc người bệnh. Hình thức lượng giá bao gồm chuyên cần, các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần đều dưới dạng tự luận. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 4, 8, 11, 12 thuộc chương trình đào tạo ngành Hộ sinh (mức độ trung bình).</p>
47	<p>Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi: 04 tín chỉ (1/3)</p> <p>Học phần Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 4 tín chỉ (1/3) được dạy ở học kỳ 8 năm thứ 4 trong thời gian 6 tuần. Học phần này trang bị cho sinh viên về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ qua các thời kỳ, chương trình tiêm chủng mở rộng, sử dụng thuốc cho trẻ, chương trình chăm sóc, xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành các kỹ năng thăm khám hệ cơ quan, thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa, tham vấn cho các bà mẹ về cách chăm sóc, nuôi dưỡng và theo dõi trẻ tại nhà. Đồng thời sinh viên cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp. Phương pháp dạy/ học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, bảng kiểm, dạy học bên người bệnh, dạy học qua các buổi giao ban, kèm cặp, tự học. Phương pháp lượng giá người học thông qua vấn đáp tình huống trên bệnh nhân có bảng kiểm, bài kiểm tra, chấm chỉ tiêu lâm sàng, MCQ, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2 (mức độ cao) và 4, 5, 10, 11 và 12 (mức độ vừa) của chương trình đào tạo.</p>
48	<p>Thực hành sản phụ khoa 2: 04 tín chỉ (0/4)</p> <p>Học phần/module Thực hành sản phụ khoa II thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT, có học phần tiên quyết là học phần “Thực hành sản phụ khoa I”. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học thực hiện thành thạo những kỹ thuật chuyên ngành sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình trong công tác chăm sóc toàn diện cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh Các phương pháp dạy - học chủ yếu là hoạt động theo nhóm, thảo luận ca bệnh, bảng kiểm, đi buồng, kế hoạch chăm sóc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: Bảng kiểm, kế hoạch chăm sóc, chỉ tiêu. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CLO) 1,2,4,5,6,9,10 mức độ cao; CLO 3,7 mức độ trung bình và CLO 8,10 mức độ thấp của chương trình đào tạo.</p>
	<p>Học phần tự chọn:</p>
49	<p>Chăm sóc giảm nhẹ: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần chăm sóc giảm nhẹ thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành nhằm giới thiệu cho người học các kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ, các nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ, vai trò của hộ sinh trong chăm sóc giảm nhẹ và áp dụng quy trình điều dưỡng vào nhận định chăm sóc, đưa ra chẩn đoán chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc những sản phụ cần chăm sóc giảm nhẹ. Đồng thời, học phần này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về nhận định, kiểm soát và quản lý các triệu chứng thường gặp trong chăm sóc giảm nhẹ như đau, khó thở, buồn nôn.... Hình thức lượng giá bao</p>

TT	Mô tả học phần
	gồm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,3,4,7,9,10,11,12 (mức độ trung bình) thuộc chương trình đào tạo ngành Hộ sinh.
50	<p>Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần chăm sóc bệnh nhân ung thư phụ khoa là học phần tự chọn, gồm 2 tín chỉ (1 LT, 1 TH), được dạy/học trong học kỳ 7 CTĐT. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua học phần Huấn luyện kỹ năng Hộ sinh. Sinh viên sẽ được học lý thuyết những kiến thức cơ bản về ung thư và chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh ung thư phụ khoa thường gặp. Sinh viên được hướng dẫn kỹ năng về nhận định chăm sóc, chẩn đoán chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá chăm sóc người bệnh mắc các bệnh ung thư phụ khoa thường gặp. Bên cạnh đó học phần này rèn luyện cho sinh viên thực hành thành thạo kỹ năng giao tiếp, tư vấn, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập cũng như chăm sóc người bệnh. Hình thức lượng giá bao gồm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 4, 8, 11, 12 thuộc chương trình đào tạo ngành Hộ sinh (mức độ trung bình).</p>
51	<p>Dinh dưỡng tiết chế: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Dinh dưỡng tiết chế gồm có 2 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn được dạy - học ở học kỳ 7 của chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng tiết chế. Đồng thời, sinh viên được trang bị những kiến thức đầy đủ để có thể thực hiện việc tư vấn dinh dưỡng cho từng đối tượng cụ thể, đặc biệt là bà mẹ, phụ nữ có thai và cho con bú điều trị trong bệnh viện. Từ đó, sinh viên có khả năng lựa chọn thực phẩm an toàn và xây dựng chế độ ăn cân đối, hợp lý năng lượng và chất dinh dưỡng phù hợp với các đối tượng cụ thể giúp phòng các rối loạn dinh dưỡng và hỗ trợ điều trị các bệnh thường gặp. Học phần này đóng góp chuẩn đầu ra số 2, 8, 11, 12 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
52	<p>Điều dưỡng hộ gia đình: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Điều dưỡng Hộ gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành điều dưỡng – Hộ sinh học ở kỳ 7. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và áp dụng những kiến thức và kỹ năng của những học phần trước đó thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và chuyên ngành điều dưỡng – hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe hộ gia đình. Trọng tâm của học phần này là việc vận dụng các nguyên lý y học gia đình và 5 bước của quy trình chăm sóc cộng đồng (nhận định, chẩn đoán, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá) vào chăm sóc sức khỏe hộ gia đình. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, thực hành tại cộng đồng. Các phương pháp lượng giá chủ yếu bao gồm 01 bài chuyên cần, 01 bài KTTX, 01 bài GHP và 01 bài thi kết thúc học phần. Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra 2, 12 ở mức trung bình, và chuẩn đầu ra 4, 8 ở mức độ cao của CTĐT.</p>
53	<p>Phục hồi chức năng: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Phục hồi chức năng gồm 02 tín chỉ (01 lý thuyết, 01 thực hành) thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn được dạy – học ở học kỳ 7 của chương trình đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong chăm sóc, phục hồi chức năng, dự phòng cho phụ nữ trước và sau sinh và ứng dụng các kiến thức này để lượng giá phục hồi chức năng, chẩn đoán</p>

TT	Mô tả học phần
	<p>chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc, theo dõi, đánh giá kết quả trong điều trị phục hồi chức năng cho phụ nữ trước và sau sinh. Thông qua học phần này người học nhận thức được vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc, điều trị, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe tại các cơ sở y tế và cộng đồng. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp cho người học năng lực tự chủ - tự chịu trách nhiệm và kỹ năng làm việc nhóm, có thái độ đúng mực với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, lượng giá chỉ tiêu, kiểm tra tự luận, bảng kiểm thực hành. Học phần này đáp ứng các chuẩn đầu ra 10 (mức độ thấp), 2,4,5,6,8,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.</p>
54	<p>Vô sinh: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, tự chọn được dạy- học ở học kỳ 7 của CTĐT. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về vô sinh đại cương... những kiến thức này giúp sinh viên nhận định, tiên lượng được một số nguyên nhân cũng như các yếu tố thuận lợi dẫn đến vô sinh và phát hiện một số biểu hiện bất thường trong quá trình điều trị. Những kiến thức về chẩn đoán và xử trí các trường hợp thụ tinh nhân tạo (IUI), thụ tinh trong ống nghiệm (IVF). Từ đó lập được kế hoạch theo dõi và chăm sóc trong điều trị vô sinh, hiếm muộn. Các kiến thức khi học module này sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, kỹ năng dựa trên bảng kiểm, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,8 (mức độ trung bình) và 11,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.</p>
55	<p>Y học cổ truyền: 02 tín chỉ (1/1)</p> <p>Học phần Y học cổ truyền thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được dạy trong học kỳ 7 của CTĐT hộ sinh. Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức cơ bản liên quan đến vấn đề chăm sóc sức khỏe thai phụ và sản phụ theo phương pháp y học cổ truyền, Đồng thời, học phần này cũng cung cấp cho sinh viên năng lực vận dụng kiến thức Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trong chăm sóc thai phụ và sản phụ một cách toàn diện. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, thảo luận ca bệnh, bảng kiểm, đi buồng... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra tự luận, MCQ, chỉ tiêu, bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành. Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra 2 ở mức trung bình, và chuẩn đầu ra 4, 6 ở mức độ cao của CTĐT.</p>

TT	Mô tả học phần
56	<p>Thực tập tốt nghiệp: 04 tín chỉ (0/4)</p> <p>Học phần thực tế tốt nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần khác của chương trình hộ sinh. Học phần này bao gồm 4 tín chỉ, thực hành trong 8 tuần. Sinh viên được thực tế tại khoa phụ sản của bệnh viện thực hành. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng với mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Qua đó, học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện tính độc lập, tính chịu trách nhiệm trước các quyết định về thực hành lâm sàng của mình. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp cho từng trường hợp cụ thể, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra số 1,2,3,4,5,6,7,8,11,12 của chương trình đào tạo ngành Hộ sinh. Kết quả học thực hành được thể hiện qua sổ chỉ tiêu, kế hoạch chăm sóc, báo cáo nhóm. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tế.</p>

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên

1.1. Giảng viên cơ hữu mở và duy trì ngành đào tạo

1) TS Nguyễn Thị Hồng (Sinh năm 1977), Tiến sĩ chuyên ngành sản phụ khoa, giảng viên cơ hữu.

2) BSKII Nguyễn Thị Bình (Sinh năm 1973), Bs CKII chuyên ngành Sản Phụ Khoa, , giảng viên cơ hữu.

3) TS Cán Bá Quát (Sinh năm 1976), Tiến sĩ chuyên ngành sản phụ khoa, giảng viên cơ hữu.

4) TS Hoàng Thị Ngọc Trâm (Sinh năm 1985), Tiến sĩ chuyên ngành sản phụ khoa, giảng viên cơ hữu.

5) TS Bùi Hải Nam (Sinh năm 1979), Tiến sĩ chuyên ngành sản phụ khoa, giảng viên cơ hữu.

6). TS Nông Thị Hồng Lê(sinh năm 1979). Tiến sĩ chuyên ngành Y tế công cộng, giảng viên cơ hữu.

7). BSKII Nguyễn Thị Nga (sinh năm 1983). Bs CKII chuyên ngành Sản Phụ Khoa, , giảng viên cơ hữu.

8). TS Hoàng Quốc Huy (Sinh năm 1984), Tiến sĩ chuyên ngành sản phụ khoa, giảng viên cơ hữu

9). ThS Ngô Thị Vân Huyền (sinh năm 1979). Thạc sỹ chuyên ngành điều dưỡng, giảng viên cơ hữu.

1.2. Giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

Nhà trường có 69 giảng viên cơ hữu và 5 giảng viên thỉnh giảng đáp ứng đầy đủ các điều kiện giảng dạy chương trình Hộ sinh đại học.

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo




Nhà trường có 03 phòng học lớn trên 200 chỗ, 68 phòng học nhỏ từ 50-100 chỗ, có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp

ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu cho học viên và sinh viên. Nhà trường được trang bị đầy đủ các phương tiện để hỗ trợ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Thư viện với 4365m² đầy đủ sách, giáo trình, tạp chí phục vụ đào tạo; Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy là 5,6m². Ngoài ra, Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên đã và đang đầu tư xây dựng hệ thống các phòng học đa năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Bệnh viện thực hành

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên, bệnh viện đa khoa các tỉnhlà các bệnh viện thực hành chính của CTĐT ngành Hộ sinh Đại học.

XIV. Tiến trình cập nhật (xem lại và cần các biên bản đi kèm)


TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ xây dựng rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Công bố bản mô tả chương trình và mã ngành đào tạo Hộ sinh	01/2021	 Nguyễn Quang Mạnh
2	Cập nhật nội dung “Mô tả tóm tắt nội dung các học phần” theo mẫu mới ban hành của Trường. Bổ sung một số nội dung mục X, XI Điều chỉnh nội dung của một số học phần chuyên ngành để người học tiếp cận một số quy trình cập nhật mới theo QĐ của Bộ Y tế. Điều chỉnh phân bổ tín chỉ các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành. Đánh lại mã học phần theo QĐ mới ban hành của Nhà trường.	08/2023	 Nguyễn Quang Mạnh
3	- Mục tiêu CTĐT: bổ sung Mục tiêu chung; - Mục tiêu cụ thể: thay cụm từ “công nghệ thông tin” bằng “kỹ năng số”; - Chuẩn đầu ra: Bổ sung mức trình độ năng lực cho từng CĐR. PLO3: sửa thay thế cụm từ “công nghệ thông tin” thành “kỹ năng số”; - Cấu trúc nội dung chương trình: Bỏ Tiếng Anh 4,5 điều chỉnh số TC của các học phần Tiếng Anh từ 2 TC thành 3 TC; Điều chỉnh học phần Tin học (2 tín chỉ: 0,5/1,5) thành học phần Kỹ năng số (3 tín chỉ: 1/2); Ghép hai học phần Xác suất thống kê trong y học (2 TC) và Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC) thành học phần Thống kê y tế - Phương pháp nghiên cứu khoa học (4TC);	09/2025	Trần Văn Tuấn 

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ xây dựng rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)
	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật nội dung theo mẫu đề cương chi tiết mới theo công văn số 1552/QĐ-ĐHYD; - Điều chỉnh tên chương trình đào tạo và văn bằng (Tiếng Anh). - Bớt 01 tín chỉ/học phần Dân số KHHGD, thêm 1 tín chỉ học phần thực hành sản phụ khoa 1. 		


XV. Ngày phê duyệt: Ngày 05 tháng 9 năm 2025.

XVI. Thành phần phê duyệt

Tổ xây dựng/rà soát
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Chí Hưng

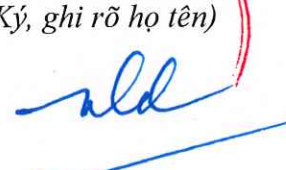
Hội đồng thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Thuận

Phòng Đào tạo
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Công Mạnh

Chủ tịch
Hội đồng KH&ĐT
(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng